

**CÔNG TY TNHH TOP ONE MIỀN BẮC**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TOP ONE MIỀN BẮC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NORTH TOP ONE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: TOP ONE,.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109158115

**3. Ngày thành lập:** 23/04/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 9, ngõ 79 đường Gia Đồng, xóm Đồng, Xã Dương Liễu, Huyện Hoài Đức,  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0902225115

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                         | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh              | 2013     |
| 2.  | Sản xuất sản phẩm khác từ cao su                                  | 2219     |
| 3.  | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                      | 2220     |
| 4.  | Sản xuất sản phẩm chịu lửa                                        | 2391     |
| 5.  | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét                             | 2392     |
| 6.  | Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao                                | 2394     |
| 7.  | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao | 2395     |
| 8.  | Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá                                     | 2396     |
| 9.  | Sản xuất sắt, thép, gang                                          | 2410     |
| 10. | Sản xuất máy thông dụng khác                                      | 2819     |
| 11. | Xây dựng nhà để ở                                                 | 4101     |
| 12. | Xây dựng nhà không để ở                                           | 4102     |
| 13. | Xây dựng công trình đường sắt                                     | 4211     |
| 14. | Xây dựng công trình đường bộ                                      | 4212     |
| 15. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                               | 4222     |
| 16. | Xây dựng công trình công ích khác                                 | 4229     |
| 17. | Xây dựng công trình thủy                                          | 4291     |
| 18. | Xây dựng công trình khai khoáng                                   | 4292     |
| 19. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                             | 4293     |
| 20. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                        | 4299     |
| 21. | Phá dỡ                                                            | 4311     |
| 22. | Chuẩn bị mặt bằng                                                 | 4312     |
| 23. | Lắp đặt hệ thống điện                                             | 4321     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 24. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4322        |
| 25. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4329        |
| 26. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4330        |
| 27. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4390        |
| 28. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4530        |
| 29. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4641        |
| 30. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh;<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4649        |
| 31. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may da giày;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)                                                                                                                                                                            | 4659        |
| 32. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4652        |
| 33. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4662        |
| 34. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến;<br>- Bán buôn xi măng;<br>- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;<br>- Bán buôn kính xây dựng;<br>- Bán buôn sơn, véc ni;<br>- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh;<br>- Bán buôn đồ ngũ kim;<br>- Bán buôn ống nối, khớp nối và các chi tiết lắp ghép khác;<br>- Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su | 4663(Chính) |
| 35. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4690        |
| 36. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4741        |
| 37. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4742        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 38. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                             | 4752 |
| 39. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4753 |
| 40. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 41. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4931 |
| 42. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4932 |
| 43. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4933 |
| 44. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5225 |
| 45. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 5210 |
| 46. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 5221 |
| 47. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay;<br>- Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 5229 |
| 48. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;<br>- Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                       | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên        | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | CÔNG TY CỔ PHẦN TA CA | Số 568 Nguyễn Oanh, Phường 6, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam           | 8.000.000.000         | 80,000    | 0312027342                                                                                                                                        |         |
| 2   | HOÀNG PHÚC HẢO        | Đội 6, thôn Mã Kiều, Xã Phương Trung, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam    | 2.000.000.000         | 20,000    | 001077003094                                                                                                                                      |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: HOÀNG PHÚC HẢO

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 21/04/1977

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001077003094

Ngày cấp: 28/10/2014

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đội 6, thôn Mã Kiều, Xã Phương Trung, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Đội 6, thôn Mã Kiều, Xã Phương Trung, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội